

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy
trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học
Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục
và Đào tạo phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên và các trường
thành viên;

Căn cứ quyết định số 42/QĐ-BGD&ĐT ngày 13/8/2007 của Bộ Giáo dục và đào tạo
về việc ban hành quy chế công tác HSSV trong các trường đại học, cao đẳng và trung học
chuyên nghiệp hệ chính quy;

Căn cứ thông tư số 16/2015/TT-BGDDT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục
và đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào
tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng Công tác HSSV;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định đánh giá kết quả rèn luyện
của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp*” tại trường Đại học
Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ học kỳ I năm học 2019-2020 và thay
thế quyết định số 203/QĐ-ĐHKTNCN ngày 26/11/2015.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị liên quan, cán bộ viên chức, giảng viên và sinh viên hệ
chính quy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *(ký)*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS TS. Vũ Ngọc Pi





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 9 năm 2019

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-DHKTNCN)

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (DHKTNCN), sau đây gọi tắt là Quy định chấm điểm rèn luyện, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ đại học chính quy (Đại học chính quy dài hạn, Liên thông chính quy, Sinh viên đại học chương trình tiên tiến; Sinh viên người nước ngoài học hệ đại học chính quy tại trường cũng thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này) và sinh viên các hệ đào tạo phi chính quy nhưng được tổ chức, quản lý đào tạo tại trường.

Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Định hướng những nội dung rèn luyện cụ thể cho sinh viên trong hệ thống đào tạo theo hình thức tín chỉ

3. Là căn cứ để xét cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và các loại học bổng hàng năm của trường, ưu tiên trong xét tuyển độ học tập, căn cứ phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên hàng kỳ và toàn khoá.

Điều 3. Yêu cầu

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên từng học kỳ, năm học và cuối khoá.

2. Quá trình đánh giá phải đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức và kết quả học tập;
- b) Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường;
- c) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;
- d) Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng;
- e) Ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá theo thang điểm 100, tại mỗi mục đánh giá có khung điểm, nếu điểm cộng hoặc trừ tại mục đó vượt quá khung điểm thì lấy giá trị lớn nhất hoặc nhỏ nhất.

Chương II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Căn cứ để xác định điểm là tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, có kết quả học tập tốt, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ học thuật, tham gia cuộc thi, công bố khoa học, NCKH sinh viên, sáng tạo công nghệ và Olympic ở các cấp.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Kết quả học tập: Có điểm trung bình chung học kỳ ≥ 3.2 cộng 10 điểm; từ 2.5-3.19 cộng 8 điểm; từ 2.25-2.49 cộng 6 điểm; từ 2.0 đến 2.24 cộng 4 điểm.

b) Tham gia hoạt động phát triển phong trào học nhóm hoặc hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo khởi nghiệp theo Đề án số 99/ĐA-ĐHKTCN ngày 09/9/2019 về phát triển các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Nếu tổng điểm ≥ 90 cộng 10 điểm; từ 75 đến cận dưới 90 cộng 7 điểm; từ 50 đến cận dưới 75 cộng 5 điểm.

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi: Không vi phạm quy chế thi, tất cả các môn đạt từ điểm 1 (thang điểm 4- Điểm D thang điểm chữ) trở lên cộng 5 điểm

d) Có ý thức và thái độ trong học tập, đi học đầy đủ, đúng giờ: Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt $\geq 95\%$ cộng 4 điểm; đạt từ 90% đến cận dưới 95% cộng 3 điểm; đạt từ 85% đến cận dưới 90% cộng 2 điểm; đạt từ 80% đến cận dưới 85% cộng 1 điểm.

đ) Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập cộng 1-2 điểm

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm.

a) Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình dưới 80% trừ 1 điểm; cứ giảm 5% trừ tiếp 1 điểm và nếu dưới 50% trừ 10 điểm

b) Vi phạm quy chế thi và kiểm tra (trừ theo mức độ vi phạm): Khiển trách trừ 5 điểm; Cảnh cáo trừ 10 điểm; Đinh chỉ trừ 20 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức và kết quả việc chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Có ý thức chấp hành tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên triển khai trong trường cộng 5 điểm.

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định của trường

+ Không vi phạm nội quy, quy chế và các quy định của trường cộng 5 điểm

+ Sinh viên thực hiện tốt quy định nội/ngoại trú cộng 5 điểm

+) Đóng học phí và các khoản lệ phí đúng quy định cộng 5 điểm

+) Được khoa, nhà trường, các đoàn thể biểu dương khen thưởng cộng 5 điểm

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm.

a) Không tham gia bảo hiểm y tế trừ 20 điểm

b) Vi phạm quy định đóng học phí và các loại phí khác theo quy định trừ 5 điểm

c) Bị kỷ luật mức cảnh cáo trừ 20 điểm.

d) Bị kỷ luật khiển trách trừ 10 điểm.

d) Vi phạm quy định nội, ngoại trú (Vi phạm từ 3 lần nội quy KTX, đăng ký ở nội trú nhưng không ở, không đăng ký tạm trú tạm vắng khi ngoại trú)

e) Không tham gia các hoạt động khảo sát khi Nhà trường triển khai trừ 5 điểm/ lần

f) Vi phạm các nội quy liên quan đến giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm ... đến mức bị lập biên bản xử lý trừ 10 điểm/ lần vi phạm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao và phòng chống các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm



a) Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt lớp, hoạt động tập thể của Lớp, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên (Tính tỷ lệ theo điểm hoạt động ngoại khóa do ĐTN, HSV tổ chức) cộng từ 1 đến 10 điểm.

b) Tham gia hoạt động sinh viên hỗ trợ điểm danh hoặc hoạt động tình nguyện, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao theo Đề án số 99/ĐA-ĐHKTNCN ngày 09/9/2019 về phát triển các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Nếu tổng điểm ≥ 90 cộng 10 điểm; từ 75 đến cận dưới 90 cộng 7 điểm; từ 50 đến cận dưới 75 cộng 5 điểm.

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm

a) Bỏ sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt Hội sinh viên theo kế hoạch trừ 5 điểm /lần họp.

b) Không tham các hoạt động do khoa điều động (theo các chương trình và có danh sách cụ thể) trừ 20 điểm.

c) Sinh viên không hoàn thành chương trình tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, đầu năm học sẽ bị trừ 10 điểm.

d) Gian lận trong việc triển khai, báo cáo, đánh giá, tổng hợp các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học trừ 20 điểm.

Điều 8. Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tích trong công tác xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mối quan hệ cộng đồng, tinh thần giúp đỡ bạn bè, cưu mang người gặp khó khăn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng cộng 5 điểm

b) Tham gia hoạt động đôi bạn cùng tiến theo Đề án số 99/ĐA-ĐHKTNCN ngày 09/9/2019 về phát triển các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Nếu tổng điểm ≥ 90 cộng 10 điểm; từ 75 đến cận dưới 90 cộng 7 điểm; từ 50 đến cận dưới 75 cộng 5 điểm.

c) Tham gia công tác tình nguyện, chung sức vì cộng đồng, Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn cộng từ 1-10 điểm (tùy mức độ tham gia, có minh chứng cụ thể)

d) Giữ gìn đoàn kết nội bộ, quan hệ tốt với bạn bè, tập thể nơi cư trú cộng 5 điểm

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm.

a) Vi phạm pháp luật (chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự), thiếu ý thức tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, không chấp hành đầy đủ chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước trừ 20 điểm.

b) Gây mất đoàn kết trong lớp, trong trường, trong KTX, địa bàn nơi cư trú trừ 5 điểm/lần.

Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức, mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường; và những sinh viên có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

3. Quy định cụ thể các phần cộng điểm

a) Cấp ủy chi bộ Đảng sinh viên, Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên, Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, có uy tín và hiệu quả công việc được phân công cộng 5 điểm

b) Cấp ủy chi bộ Đảng sinh viên, Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên, Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ; khi tập thể tham gia, phụ trách được cấp trên khen thưởng cộng 3 điểm

c) Tham gia các hoạt động theo Đề án số 99/ĐA-ĐHKTNCN ngày 09/9/2019 về phát triển các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Nếu tổng điểm ≥ 90 cộng 10 điểm; từ 75 đến cận dưới 90 cộng 7 điểm; từ 50 đến cận dưới 75 cộng 5 điểm.

4. Quy định cụ thể các phần trừ điểm Sinh viên là Cấp ủy chi bộ đảng, cán bộ lớp, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên.

a) Không tổ chức thực hiện sinh hoạt tập thể theo kế hoạch của khoa, trường, Đoàn thanh niên, hội sinh viên cấp trên trừ 5 điểm/lần.

b) Gian lận trong việc triển khai, báo cáo, đánh giá, tổng hợp các hoạt động của tập thể, hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học trừ 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình khá, trung bình, yếu và kém.

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- e) Dưới 35 điểm: loại kém.

2. Những sinh viên bị kỷ luật hoặc có hoàn cảnh đặc biệt được quy định như sau:

- a) Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.
- b) Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
- c) Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
- d) Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.
- e) Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.
- f) Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.
- g) Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân trong học kỳ, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do cơ sở giáo dục đại học quy định.
2. Tổ chức họp lớp có Chủ nhiệm lớp, cô vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

Chủ nhiệm lớp /cố vấn học tập xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp khoa).

3. Hội đồng đánh giá cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trưởng khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường).

4. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho Sinh viên biết trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền.

a) Thành phần Hội đồng cấp trường gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền.
- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác Học sinh Sinh viên (CT HSSV)
- Thư ký Hội đồng: Nhân viên Phòng CT HSSV và một số đơn vị phòng có liên quan.
- Uỷ viên Hội đồng: Ban chủ nhiệm các khoa, bộ môn trực thuộc trường, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trường.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường: Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của phòng công tác Học sinh Sinh viên, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên.

a) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.
- Các uỷ viên: Trợ lý khoa, Chủ nhiệm lớp (hoặc cố vấn học tập), đại diện Ban chấp hành liên chi đoàn, liên chi hội.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa:

Căn cứ đề nghị của tập thể lớp sinh viên và Chủ nhiệm lớp, Trợ lý khoa có trách nhiệm giúp Hội đồng và Trưởng khoa đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

3. Đánh giá rèn luyện sinh viên của các đơn vị khác có liên quan.

Căn cứ đề nghị của tập thể lớp sinh viên và Chủ nhiệm lớp, Trợ lý đơn vị có trách nhiệm giúp Trưởng đơn vị đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

Điều 13. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của Sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý Sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bỗng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của nhà trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học và toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của cơ sở giáo dục đại học, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được cơ sở giáo dục đại học xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tình hình thực tế, Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp sẽ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định này hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện cho phù hợp với các quy định của pháp luật, các quy chế và quy định hiện hành của nhà trường./.





**KỸ THUẬT
CÔNG NGHIỆP**
PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Nhà Ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-ĐHKTNCN
Ngày 14 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

Họ và tên: Ngày sinh:

Lớp: Khoa: Khoa:

MSSV: Học kỳ: Năm học: 201... - 201...

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm	Điểm do SV tự đánh giá	Điểm do lớp đánh giá	Điểm do HĐ khoa đánh giá
I. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA HỌC TẬP (Khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm)					
Phần cộng điểm					
1. Điểm thường về học tập:					
1.1	Có điểm TBCHT ≥ 3.2	10			
1.2	Có điểm TBCHT từ 2.5 đến 3.19	8			
1.3	Có điểm TBCHT từ 2.25 đến 2.49	6			
1.4	Có điểm TBCHT từ 2.0 đến 2.24	4			
2 Tham gia hoạt động tại mục III-2, III-4 Đề án số 99 /ĐA-ĐHKTNCN, ngày 09/9/2019					
2.1	Đạt ≥ 90 điểm	10			
2.2	Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm	7			
2.3	Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm	5			
3. Thực hiện nội quy, quy chế học tập:					
3.1	Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra, tất cả các môn thi đạt từ điểm D trở lên	5			
3.2	Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt ≥ 95%	4			
3.3	Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt ≥ 90% đến cận dưới 95%	3			
3.4	Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt ≥ 85% đến cận dưới 90%	2			
3.5	Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt ≥ 80% đến cận dưới 85%	1			
3.6	Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	1-2			
Phần trừ điểm					
4.	Tỷ lệ tham gia lớp học dưới 80% (cứ giảm 5% trừ thêm 1 điểm); nếu dưới 50% trừ 10 điểm	-1-10			
5.	Vi phạm quy chế thi và kiểm tra (trừ theo mức độ vi phạm: Khiển trách trừ điểm 5 điểm; Cảnh cáo trừ 10 điểm; Đình chỉ trừ 20 điểm)	-5-20			
II. ĐÁNH GIÁ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ TRONG NHÀ TRƯỜNG: (Khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm)					
Phần cộng điểm					
1.	Có ý thức chấp hành tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên triển khai trong trường	5			
2.	Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định của trường	5			
2.1	Không vi phạm quy chế, nội quy và các quy định của trường	5			
2.2	Sinh viên thực hiện tốt quy định nội/ngoại trú	5			
2.3	Đóng học phí và các khoản lệ phí đúng quy định	5			
2.4	Được Nhà trường, các đoàn thể khen thưởng hoặc Khoa (bộ môn) biểu dương	5			
Phần trừ điểm					
3.	Không tham gia Bảo hiểm Y tế	-20			
4.	Vi phạm quy định đóng học phí và các loại phí khác theo quy định	-5			
5.	Bị kỷ luật mức cảnh cáo	-20			
6.	Bị kỷ luật khiển trách	-10			
7.	Vi phạm quy định nội, ngoại trú (Vi phạm từ 3 lần nội quy KTX, đăng ký ở nội trú nhưng không ở, không đăng ký tạm trú tạm vắng khi ngoại trú)	-20			
8.	Không tham gia các hoạt động khảo sát khi Nhà trường triển khai	-5/ lần			
9.	Vi phạm các nội quy liên quan đến giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm ... đến mức bị lập biên bản xử lý	-10			
III. ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG CÁC TỄ NẠN XÃ HỘI: (Khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm)					
Phần cộng điểm					

1.	Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt lớp, hoạt động tập thể của Lớp, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên (Tính tỷ lệ theo điểm hoạt động ngoại khóa do ĐTN, HSV tổ chức)	1÷10			
2.	Tham gia hoạt động tại mục III-3, III-5 Đề án số 99 /ĐA-ĐHKTNCN, ngày 09/9/2019				
2.1	Đạt ≥ 90 điểm	10			
2.2	Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm	7			
2.3	Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm	5			
Phần trừ điểm					
3.	Bỏ sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt Hội sinh viên theo kế hoạch (không có lý do chính đáng)	-2/lần họp			
4.	Không tham các hoạt động do khoa điều động (có danh sách cụ thể)	-20			
5.	Sinh viên không hoàn thành chương trình tuân sinh hoạt công dân đầu khóa, cuối khóa, đầu năm học	-10			
6.	Gian lận trong việc triển khai, báo cáo, đánh giá, tổng hợp các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học trừ	-20			
IV.	ĐÁNH GIÁ VỀ PHẨM CHẤT CỘNG DÂN VÀ QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG: (Khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm)				
Phần cộng điểm					
1.	Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng	5			
2.	Tham gia hoạt động tại mục III-1 Đề án số 99 /ĐA-ĐHKTNCN, ngày 09/9/2019				
2.1	Đạt ≥ 90 điểm	10			
2.2	Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm	7			
2.3	Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm	5			
3.	Tham gia công tác tình nguyện, chung sức vì cộng đồng, có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn (Tùy mức độ tham gia, có minh chứng cụ thể)	1÷10			
4.	Giữ gìn đoàn kết nội bộ, quan hệ tốt với bạn bè, tập thể nơi cư trú	5			
Phần trừ điểm					
5.	Vi phạm pháp luật (chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự), thiếu ý thức tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, không chấp hành đầy đủ chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước	-20			
6.	Gây mất đoàn kết trong lớp, trong trường, trong KTX, địa bàn nơi cư trú	-5/lần			
V.	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA PHỤ TRÁCH LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG, HOẶC ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYÊN CỦA SINH VIÊN (Khung điểm đánh giá từ 0-10 điểm)				
Phần cộng điểm					
1.	Cấp ủy chi bộ Đảng sinh viên, ban cán sự lớp, Ban chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có uy tín và hiệu quả trong công việc được phân công	5			
2.	Cấp ủy chi bộ Đảng sinh viên, Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên; khi tập thể tham gia, phụ trách được cấp trên khen thưởng	3			
3.	Tham gia hoạt động theo Đề án số 99 /ĐA-ĐHKTNCN, ngày 09/9/2019 (tính theo tổng điểm các chương trình)				
3.1	Đạt ≥ 90 điểm	10			
3.2	Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm	7			
3.3	Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm	5			
Phần trừ điểm					
5.	Không tổ chức thực hiện sinh hoạt tập thể theo kế hoạch của khoa, trường, Đoàn thanh niên, hội sinh viên cấp trên	-5/lần			
6.	Gian lận trong việc triển khai, báo cáo, đánh giá, tổng hợp các hoạt động của tập thể, hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học trừ 20 điểm	-10			
TỔNG CỘNG:					

Ghi chú: Trong mỗi mục (I, II, III, IV, V) có khung điểm đánh giá, nếu điểm cộng hoặc trừ vượt quá khung thì lấy giá trị tối đa hoặc tối thiểu.

Điểm kết luận của Hội đồng đánh giá cấp Khoa:..... Bằng chữ:.....

GIÁO VIÊN CN
(Ký, ghi họ tên)

LỚP TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

CHỮ KÝ CỦA SINH VIÊN
(Ký, ghi họ tên)